

Số: /2022/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO 2

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức
trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động và Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung

chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định Phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2022.

Điều 3. Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra hoặc phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Bãi bỏ Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL -Bộ Tư pháp;
- TT TU, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các cơ quan Đảng, MTTP, đoàn thể;
- Hội đặc thù có phạm vi hoạt động trong tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Các sở, ban, ngành, ĐVSN thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cty TNHH MTV Xô số KT tỉnh ST;
- Cty Lâm nghiệp tỉnh ST;
- Công báo tỉnh;
- HTĐT: sotp@soctrang.gov.vn
- Lưu: TH, KT, VX, QT, NC, HC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Lâu

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định phân cấp thẩm quyền tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Cán bộ, công chức, viên chức quy định tại khoản 1 Điều này được cơ quan có thẩm quyền luân chuyển, biệt phái hoặc điều động về công tác tại các hội đặc thù, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 3. Nội dung phân cấp quản lý

- Tuyển dụng công chức, viên chức.
- Sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, gồm:
 - Bổ nhiệm ngạch, chức danh nghề nghiệp; chuyên ngạch, chức danh nghề nghiệp; xếp lương và miễn nhiệm ngạch thanh tra.
 - Nâng ngạch, thăng hạng.
 - Nâng bậc lương.
 - Phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và đình chỉ công tác.
 - Luân chuyển cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý.
 - Điều động, chuyển công tác, biệt phái và tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức.
 - Đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức.

h) Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức trong các cơ quan, đơn vị.

i) Kỹ luật.

k) Thôi việc, nghỉ hưu.

l) Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 4. Nguyên tắc phân cấp quản lý

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc khối Nhà nước của tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật về quản lý cán bộ, công chức, viên chức và phân cấp quản lý cán bộ của Tỉnh ủy Sóc Trăng; chịu trách nhiệm trước Chính phủ, trước Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các Bộ, ngành trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức của ngành trên địa bàn tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức của ngành, địa phương theo pháp luật hiện hành, quy định của Bộ, ngành (nếu có), phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh và quyết định của cơ quan có thẩm quyền về công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

Chương II

PHÂN CẤP TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Mục 1

TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 5. Tuyển dụng công chức

1. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tuyển dụng và tổ chức thi tuyển công chức, xét tuyển công chức vào làm việc tại các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận kết quả kỳ tuyển dụng công chức.

2. Trách nhiệm và thẩm quyền của Giám đốc Sở Nội vụ:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Quyết định tuyển dụng đối với thí sinh trúng tuyển công chức.

c) Tổ chức lưu trữ hồ sơ, tài liệu của các kỳ tuyển dụng công chức theo quy định.

Điều 6. Tiếp nhận vào làm công chức không qua thi

1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên đối với các đối tượng phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch khi tiếp nhận vào làm công chức không qua thi tuyển theo quy định của pháp luật hiện hành (sau đây gọi tắt là tiếp nhận vào làm công chức không qua thi).

b) Có ý kiến bằng văn bản thống nhất tiếp nhận vào làm công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý;

c) Quyết định phê duyệt kết quả xét chuyển, tiếp nhận vào làm công chức không qua thi.

2. Trách nhiệm và thẩm quyền của Giám đốc Sở Nội vụ

a) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan phê duyệt nội dung, hình thức kiểm tra, sát hạch đối với các trường hợp thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm công chức không qua thi theo vị trí việc làm đã được phê duyệt.

c) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kiểm tra, sát hạch.

d) Quyết định tiếp nhận vào làm công chức khi có kết quả trúng tuyển.

Điều 7. Tuyển dụng viên chức

1. Thẩm quyền của Giám đốc Sở Nội vụ:

a) Phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức của các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức.

b) Giám sát công tác tổ chức tuyển dụng viên chức của các cơ quan, đơn vị theo quy định pháp luật.

2. Thẩm quyền của Thủ trưởng các sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Xây dựng và ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý.

b) Tổ chức tuyển dụng viên chức sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức.

c) Có thể phân cấp cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập nêu tại điểm a khoản 3 Điều này thực hiện việc tuyển dụng viên chức.

3. Thẩm quyền của Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên:

a) Xây dựng và ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức thuộc đơn vị.

b) Tổ chức tuyển dụng viên chức sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức.

Điều 8. Tiếp nhận vào làm viên chức không qua thi

Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên có thẩm quyền tuyển dụng viên chức theo Điều 7 Quy định này thực hiện việc tiếp nhận vào làm viên chức (không qua thi) theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 9. Ký kết, thay đổi và chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký kết, thay đổi, chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức giữ chức vụ người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký kết, thay đổi, chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức giữ chức vụ người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập ký kết, thay đổi, chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức từ cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trở xuống.

Mục 2

SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 10. Bổ nhiệm vào ngạch, chức danh nghề nghiệp; chuyển ngạch, chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định bổ nhiệm ngạch, chức danh nghề nghiệp, chuyển ngạch, chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền phê chuẩn, bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ.

b) Quyết định xét chuyển ngạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm ngạch thanh tra theo quy định của Luật Thanh tra và các quy định hiện hành.

2. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm ngạch, chức danh nghề nghiệp, chuyển ngạch, chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương, trừ thẩm quyền tại khoản 1 Điều này.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bổ nhiệm ngạch, chức danh nghề nghiệp, chuyển ngạch, chức danh nghề nghiệp và xếp

lượng đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý, trừ thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 11. Nâng ngạch công chức

1. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh:

Ban hành Đề án tổ chức thi nâng ngạch công chức từ ngạch nhân viên hoặc tương đương lên ngạch cán sự hoặc tương đương, từ ngạch cán sự hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương, từ ngạch chuyên viên hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương. Đồng thời, tổ chức thi nâng ngạch công chức sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung Đề án và chỉ tiêu thi nâng ngạch công chức theo quy định.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Quyết định xét nâng ngạch công chức từ ngạch chuyên viên hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương, từ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương.

- Quyết định công nhận kết quả kỳ thi nâng ngạch công chức nêu tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Trách nhiệm và thẩm quyền của Giám đốc Sở Nội vụ:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Quyết định xét nâng ngạch công chức từ ngạch nhân viên hoặc tương đương lên ngạch cán sự hoặc tương đương, từ ngạch cán sự hoặc tương đương lên ngạch chuyên viên hoặc tương đương.

c) Tổ chức lưu trữ hồ sơ, tài liệu của các kỳ thi nâng ngạch công chức theo quy định.

Điều 12. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

1. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh:

Ban hành Đề án tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II. Đồng thời, tổ chức thi hoặc xét thăng hạng sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ về nội dung Đề án và chỉ tiêu thăng hạng theo quy định.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Phê duyệt Đề án và chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III.

- Quyết định xét thăng hạng đặc cách chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II, từ hạng II lên hạng I.

- Quyết định công nhận kết quả kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II nêu tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Trách nhiệm và thẩm quyền của Giám đốc Sở Nội vụ:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Quyết định xét thăng hạng đặc cách chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III.

c) Tổ chức lưu trữ hồ sơ, tài liệu của các kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc thẩm quyền tổ chức của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Giám sát công tác tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III của các cơ quan, đơn vị theo quy định pháp luật.

3. Phân công, phân cấp xây dựng, ban hành Đề án và tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III:

a) Giám đốc Sở Nội vụ tổ chức thực hiện việc thăng hạng đối với chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành hành chính, chuyên ngành kế toán, chuyên ngành văn thư, chuyên ngành lưu trữ.

b) Giám đốc Sở Tư pháp tổ chức thực hiện việc thăng hạng đối với chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tư pháp.

c) Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện việc thăng hạng đối với chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản.

d) Giám đốc Sở Xây dựng tổ chức thực hiện việc thăng hạng đối với chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thẩm kế viên và kiến trúc sư.

đ) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện việc thăng hạng đối với chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học, công nghệ.

e) Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc thăng hạng đối với chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên, môi trường, khí tượng, thủy văn, đo đạc, bản đồ, biển và hải đảo.

g) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện việc thăng hạng đối với chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục, đào tạo.

h) Giám đốc Sở Y tế tổ chức thực hiện việc thăng hạng đối với chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

i) Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức thực hiện việc thăng hạng đối với chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành lao động và xã hội; chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

k) Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thực hiện việc thăng hạng đối với chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành văn hóa, thư viện, nghệ thuật, thể dục, thể thao và du lịch.

l) Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thực hiện việc thăng hạng đối với chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thông tin và truyền thông.

m) Giám đốc Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện việc thăng hạng đối với chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giao thông vận tải.

n) Đối với các chức danh nghề nghiệp chuyên ngành khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 13. Nâng bậc lương đối với cán bộ, công chức, viên chức

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn; quyết định mức phụ cấp thâm niên vượt khung và các phụ cấp khác theo quy định của pháp luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền phê chuẩn, bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn; quyết định mức phụ cấp thâm niên vượt khung và các phụ cấp khác theo quy định của pháp luật đối với cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở xuống, trừ thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 14. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê chuẩn, xem xét từ chức, cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và đình chỉ công tác

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê chuẩn, xem xét từ chức, cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm và kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương các sở, ban, ngành tỉnh; người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, xem xét từ chức, cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm và kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương; người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp thuộc các sở, ban, ngành tỉnh; người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các đơn vị thuộc đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, phê chuẩn, xem xét từ chức, cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm và kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương; người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các đơn vị thuộc đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên thuộc các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, xem xét từ chức, cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm và kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với viên chức lãnh đạo tại đơn vị mình.

5. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác về thẩm quyền bổ nhiệm thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

6. Thẩm quyền ra quyết định đình chỉ công tác.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đình chỉ công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền phê chuẩn, bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và cán bộ, công chức, viên chức giữ ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương.

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đình chỉ công tác đối với công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý từ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở xuống, trừ thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 6 Điều này.

c) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên quyết định đình chỉ công tác đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý từ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở xuống, trừ thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 6 Điều này.

Điều 15. Luân chuyển cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định luân chuyển cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý đối với các chức danh thuộc thẩm quyền phê chuẩn, bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh quyết định luân chuyển cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý đối với các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, trừ thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định luân chuyển cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý đối với các chức danh thuộc thẩm quyền phê chuẩn, bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, trừ thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Việc bố trí, phân công cán bộ, công chức sau khi luân chuyển thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 16. Điều động, chuyển công tác, biệt phái và tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều động, chuyển công tác, biệt phái và tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền phê

chuẩn, bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và cán bộ, công chức, viên chức giữ ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều động, chuyển công tác, biệt phái, tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, trừ thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều động, chuyển công tác, biệt phái, tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, trừ thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tiếp nhận cán bộ, công chức, viên chức chịu trách nhiệm tiếp nhận đúng vị trí việc làm, tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chỉ tiêu biên chế được giao và định mức giáo viên (đối với viên chức ngành giáo dục).

Điều 17. Đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá, xếp loại chất lượng đối với Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; người đứng đầu các sở, ban, ngành; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; người đứng đầu hội đặc thù cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; viên chức quản lý thuộc quyền bổ nhiệm.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cấp phó của người đứng đầu, công chức thuộc quyền quản lý và viên chức quản lý thuộc quyền bổ nhiệm.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá, xếp loại chất lượng đối với Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, công chức thuộc quyền quản lý và viên chức quản lý thuộc quyền bổ nhiệm.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập đánh giá, xếp loại chất lượng đối với viên chức thuộc quyền quản lý và viên chức quản lý thuộc quyền bổ nhiệm.

5. Trường hợp pháp luật có quy định khác về thẩm quyền đánh giá thì thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 18. Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức

1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức tại các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

2. Trách nhiệm và thẩm quyền của Giám đốc Sở Nội vụ:

a) Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức tại các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

3. Thẩm quyền của Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý xây dựng hoặc điều chỉnh đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức; kiểm tra kết quả xây dựng hoặc điều chỉnh đề án và gửi hồ sơ báo cáo, đề nghị Sở Nội vụ thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Thẩm quyền của Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên:

a) Xây dựng đề án vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức; tổ chức thẩm định và phê duyệt đề án thuộc đơn vị theo quy định.

b) Báo cáo tình hình xây dựng, phê duyệt và quản lý, sử dụng vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức thuộc đơn vị về cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ).

Điều 19. Kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền phê chuẩn, bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định kỷ luật công chức, viên chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, quản lý và sử dụng, trừ đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền phê chuẩn, bổ nhiệm, quản lý và sử dụng, trừ đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều này.

4. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý kỷ luật đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý.

Điều 20. Thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức, viên chức

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền phê chuẩn, bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho nghỉ hưu, thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, quản lý và sử dụng, trừ thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, quyết định cho nghỉ hưu, thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền phê chuẩn, bổ nhiệm, quản lý và sử dụng, trừ thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp có quy định khác về giải quyết thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức, viên chức thì thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 21. Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức

1. Giám đốc Sở Nội vụ quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền phê chuẩn, bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, quản lý và sử dụng, trừ thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền phê chuẩn, bổ nhiệm, quản lý và sử dụng, trừ thẩm quyền quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều này.

4. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý hồ sơ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nội vụ chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy định này của các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện và triển khai Quy định này đến cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý; báo cáo định kỳ và đột xuất về Sở Nội vụ.

3. Các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện do Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện việc quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành.

4. Các tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp được áp dụng theo quy định này để tuyển dụng, sử dụng và quản lý người làm việc trong cơ quan, đơn vị. Giao cho Sở Nội vụ hướng dẫn thực hiện nội dung này.

5. Trường hợp các văn bản quy định viện dẫn dẫn để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. UBND TỈNH
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Lâu